

Số: 18/2021/QĐST-DS

Tây Hòa, ngày 05 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông V – sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn*:

1. Bà P - sinh năm: 1945; Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên;

2. Bà Đ – sinh năm: 1935; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. D – sinh năm 1977;

2. H – sinh năm 1999;

3. T – sinh năm 2002;

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, Phú Yên.

4. X, sinh năm 1978;

5. Y – sinh năm 1982;

Cùng nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, Phú Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên ông A có 02 người vợ là bà B, bà C, có 02 con ruột là Đ, P và 01 người con nuôi là K. Ông A, bà B, bà C, ông K đều đã chết; bà P, bà Đ là người thừa kế của những người nói trên.

Ông A, bà C có 01 thửa đất tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, thuộc thửa 386, tờ bản đồ 9D, tổng diện tích 1.550m², đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AD 092763, vào sổ số 01049 ngày 20/02/2006 cho bà C, với diện tích được cấp là 200m² đất ONT.

Vào ngày 15/7/1998, những người thừa kế của bà C, ông A cùng thống nhất chuyển nhượng một phần diện tích đất vườn (HNK) của thửa 386, tờ bản đồ 9D nói trên, với diện tích chuyển nhượng 342m^2 cho ông V, vợ chồng ông V đã xây dựng nhà ở trên đất. Ngày 02/4/1999, vợ chồng ông V chuyển nhượng cho vợ chồng ông X, bà Y một phần diện tích đất này và vợ chồng ông X cũng đã xây dựng nhà ở trên đất.

Qua đo đạc thực tế: Theo Trích đo chỉnh lý hiện trạng thửa đất đề ngày 26/10/2021 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường – Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên lập, thửa đất vợ chồng ông V, bà D sử dụng thuộc thửa 774, tờ bản đồ 9D, có diện tích: $273,9\text{m}^2$; thửa đất vợ chồng ông X, bà Y sử dụng thuộc thửa 775, tờ bản đồ 9D, có diện tích 263m^2 ; các đương sự thống nhất diện tích chuyển nhượng theo diện tích đo đạc thực tế nói trên.

Nay, các bên thống nhất, cụ thể như sau:

- Công nhận thửa đất có diện tích $273,9\text{m}^2$, loại đất HNK và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 774, tờ bản đồ 9D, tọa lạc tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông V, bà D. Thửa này thuộc một phần của thửa 386 tờ bản đồ 9D, hiện đứng tên bà C; có giới cận: Phía bắc giáp đường bê tông, đường bê tông giáp Kênh chính nam; phía nam giáp đường bê tông; phía đông giáp thửa đất 775 của ông X; phía tây giáp thửa 773 do ông Q đang sử dụng (*phần còn lại của thửa 386 tờ bản đồ 9D*).

- Công nhận thửa đất có diện tích 263m^2 , loại đất HNK và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 775, tờ bản đồ 9D, tọa lạc tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông X, bà Y. Thửa này thuộc một phần của thửa 386 tờ bản đồ 9D, hiện đứng tên bà Nguyễn Thị Lê; có giới cận: Phía bắc giáp đường bê tông, đường bê tông giáp Kênh chính nam; phía nam giáp đường bê tông; phía đông giáp đất ông Z và ông G; phía tây giáp thửa 774 của ông V.

(*Có Sơ đồ kèm theo*).

Vợ chồng ông V, bà D; vợ chồng ông X, bà Y có trách nhiệm liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai theo quy định.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Vợ chồng ông V, bà D phải chịu: 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà ông V đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng số 0001895 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Hoàn lại cho ông V: 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Ông X, bà Y phải chịu: 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà ông X đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng số 0002313 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Hoàn lại cho ông X: 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.3. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí: 8.000.000đ

(Tám triệu đồng). Thống nhất ông V phải chịu: 3.000.000đ (Ba triệu đồng); ông X phải chịu: 3.000.000đ (Ba triệu đồng); bà P phải chịu: 1.000.000đ (Một triệu đồng); bà Đ phải chịu: 1.000.000đ (Một triệu đồng). Các đương sự đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Huệ